

Số: 1888/QĐ-ĐHQB

Quảng Trị, ngày 08 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Quảng Bình

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH

Căn cứ Quyết định số 237/2006/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Quảng Bình;

Căn cứ Nghị Quyết số 925/NQ-HĐT ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng trường Trường Đại học Quảng Bình về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Quảng Bình;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 54/2026/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 56/2026/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Quảng Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1413/QĐ-ĐHQB ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học, cao đẳng tại Trường Đại học Quảng Bình.

Điều 3. Trường phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên, Trường các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, ĐT&QLSV.

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS Nguyễn Đức Vượng

QUY CHẾ

Đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Quảng Bình
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1888/QĐ-ĐHQB ngày 03 tháng 9 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Quảng Bình (sau đây gọi tắt là Trường), bao gồm: chương trình đào tạo và thời gian học tập; hình thức và phương thức tổ chức đào tạo; liên kết đào tạo; lập kế hoạch và tổ chức giảng dạy; đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp; chứng chỉ giáo dục đại học và các quy định khác đối với người học.

2. Quy chế này áp dụng đối với người học các chương trình đào tạo trình độ đại học theo hình thức đào tạo chính quy và hình thức đào tạo thường xuyên (bao gồm các chương trình trước đây tổ chức theo hình thức vừa làm vừa học và đào tạo từ xa), tổ chức theo phương thức tích lũy tín chỉ tại Trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học

1. Hoạt động đào tạo trình độ đại học được tổ chức theo chuẩn đầu ra, khối lượng học tập, điều kiện bảo đảm chất lượng và trách nhiệm giải trình của Trường; việc bảo đảm chất lượng đào tạo không phụ thuộc hình thức đào tạo, phương thức tổ chức đào tạo, địa điểm đào tạo hoặc môi trường đào tạo.

2. Trường được tự chủ tổ chức đào tạo, lựa chọn phương thức tổ chức đào tạo, công nhận kết quả học tập, hỗ trợ lộ trình học tập linh hoạt của người học; đồng thời chịu trách nhiệm giải trình về chuẩn đầu ra, điều kiện bảo đảm chất lượng, tính xác thực của kết quả đánh giá, dữ liệu đào tạo và quyền lợi hợp pháp của người học.

3. Bảo đảm quyền học tập, quyền được tiếp cận thông tin, quyền được hỗ trợ học tập và quyền được đối xử công bằng của người học.

4. Bảo đảm công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình, liêm chính học thuật, tuân thủ chuẩn mực đạo đức, nguyên tắc chuyên môn trong tổ chức, quản lý và thực hiện hoạt động đào tạo.

5. Tạo điều kiện để người học học tập suốt đời, học tập linh hoạt, học tập cá thể hóa; công nhận và chuyển đổi kết quả học tập đã tích lũy theo quy định.

6. Bảo đảm sự thống nhất, liên thông trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam và thúc đẩy khả năng liên thông, công nhận kết quả học tập với giáo dục đại học quốc tế.

Điều 3. Chương trình đào tạo và thời gian học tập

1. Chương trình đào tạo được áp dụng thống nhất đối với các hình thức đào tạo, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học. Đối với người đã có bằng tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành đào tạo khác, khối lượng học tập phải thực hiện được xác định trên cơ sở công nhận hoặc chuyển đổi tín chỉ, miễn trừ học phần theo quy định của chương trình đào tạo và quy chế của Trường.

2. Trường công bố kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa của từng chương trình đào tạo đối với từng hình thức đào tạo, bảo đảm người học hoàn thành chương trình trong thời gian đào tạo chuẩn theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo. Thời gian đào tạo chuẩn của hình thức đào tạo thường xuyên dài hơn ít nhất một phần tư (1/4) so với thời gian đào tạo chuẩn của cùng chương trình đào tạo theo hình thức đào tạo chính quy.

3. Thời gian đào tạo tối thiểu để hoàn thành chương trình đào tạo không ít hơn hai phần ba (2/3) thời gian đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo, và thời gian đào tạo tối đa không vượt quá 2,0 lần thời gian đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo.

4. Người học được xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập cá nhân để hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian tối thiểu và thời gian tối đa theo quy định tại khoản 3 Điều này và các quy định khác của Quy chế này.

Điều 4. Tín chỉ, học phần

1. Tín chỉ

a) Tín chỉ là đơn vị dùng để đo lường khối lượng kiến thức, kỹ năng và kết quả học tập đã tích lũy được trong một khoảng thời gian nhất định;

b) Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

c) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận, trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

2. Học phần

a) Học phần là một tập hợp hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế nhằm thực hiện một số mục tiêu học tập cụ thể, trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng thuộc một phạm vi chuyên môn hẹp trong chương trình đào tạo. Một học phần thông thường được tổ chức giảng dạy, học tập trong một học kỳ;

b) Đề cương chi tiết học phần phản ánh số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần và của chương trình đào tạo; nội dung, phương pháp dạy học, đánh giá học phần; giáo trình, bài giảng, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

3. Các loại học phần

a) Học phần bắt buộc: là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc người học phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn: là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng người học được tự chọn theo hướng dẫn của Trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ khối lượng học tập quy định cho mỗi chương trình đào tạo;

c) Học phần tương đương: là các học phần thuộc cùng khối/nhóm kiến thức và cùng số tín chỉ trong các chương trình đào tạo cùng ngành hoặc cùng nhóm ngành, cùng lĩnh vực tương ứng, có thể thay thế nhau;

d) Học phần thay thế: là học phần tương đương với học phần trong các chương trình đào tạo cùng ngành hoặc cùng nhóm ngành, cùng lĩnh vực nhưng không còn được giảng dạy hoặc đã cập nhật, thay đổi.

Điều 5. Hình thức và phương thức tổ chức đào tạo

1. Trường áp dụng phương thức đào tạo theo tín chỉ, thống nhất cho tất cả các khóa và hình thức đào tạo.

a) Người học tích lũy tín chỉ của từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường;

b) Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;

c) Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo;

d) Sinh viên có chứng chỉ giáo dục đại học còn thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 21 của Quy chế này được Nhà trường công nhận, thay thế học phần tương đương trong chương trình đào tạo.

2. Hình thức đào tạo chính quy:

a) Hoạt động giảng dạy có sự hiện diện đồng thời, tương tác trực tiếp giữa giảng viên và người học, được tổ chức tập trung tại Trường trong khung giờ ban ngày, chiếm trên 50% tổng khối lượng của chương trình đào tạo; phần được thực hiện theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa và phần thực hiện tại cơ sở phối hợp liên kết đào tạo cộng lại không làm cho khối lượng thực học trực tiếp tại Trường thấp hơn tỷ lệ nêu trên;

b) Người học theo học tập trung toàn thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa và thời khóa biểu do Trường bố trí; được tuyển sinh theo kế hoạch chung cho tuyển sinh hình thức đào tạo chính quy do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

c) Thời gian giảng dạy trên lớp của Trường được tính từ trong khung giờ từ 7 giờ 00 đến tối đa 20 giờ 00 các ngày trong tuần từ thứ Hai đến thứ Bảy, cụ thể được phân bổ theo các tiết học quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy chế này.

d) Tùy theo số lượng người học, số lớp học cần tổ chức giảng dạy và điều kiện cơ sở vật chất của Trường, Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên sắp xếp thời khóa biểu hằng ngày cho các lớp trong khung giờ nêu trên.

3. Hình thức đào tạo thường xuyên (bao gồm các chương trình trước đây tổ chức theo hình thức vừa làm vừa học, đào tạo từ xa):

a) Được tổ chức theo thời gian linh hoạt tại các địa điểm đào tạo đáp ứng điều kiện bảo đảm chất lượng và được cấp phép hoạt động; các hoạt động đào tạo được thực hiện tại Trường hoặc tại cơ sở phối hợp đào tạo theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này;

b) Hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và đào tạo theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa có thể được tổ chức tại địa điểm khác theo quy định của Trường;

c) Thời gian tổ chức hoạt động đào tạo do Trường quyết định phù hợp với chương trình đào tạo và đối tượng người học.

4. Đối với cả hai hình thức đào tạo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, Trường có thể thực hiện một hoặc đồng thời các phương thức tổ chức đào tạo gồm: trực tiếp, từ xa, hoặc kết hợp giữa trực tiếp và từ xa;

a) Hình thức đào tạo chính quy đồng thời phải đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Việc tổ chức đào tạo theo phương thức từ xa thực hiện theo quy định tại Điều 14 của Quy chế này.

5. Trường công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử của Trường trước khi tuyển sinh các nội dung tối thiểu: hình thức đào tạo; phương thức tổ chức đào tạo; đối với chương trình thực hiện theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa phải công bố tỷ lệ thời lượng giảng dạy theo phương thức từ xa; kế hoạch thực hiện chương trình đào tạo; danh mục học liệu chính, học liệu bổ trợ cho từng học phần; phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá; các điều kiện bảo đảm chất lượng phục vụ tổ chức đào tạo.

Điều 6. Hoạt động liên kết đào tạo trong nước

1. Trường liên kết đào tạo trình độ đại học theo hình thức đào tạo thường xuyên với cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh; trường đào tạo, bồi dưỡng của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân được cấp phép hoạt động giáo dục, với điều kiện cơ sở phối hợp bảo đảm các yêu cầu về môi trường sư

phạm, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện và cán bộ quản lý theo yêu cầu của chương trình đào tạo.

2. Số lượng tuyển sinh của các chương trình, ngành liên kết đào tạo được tính vào số lượng tuyển sinh của Trường và của cơ sở phối hợp đào tạo theo tỷ lệ giảng viên tham gia của mỗi bên.

3. Các yêu cầu tối thiểu đối với Trường khi là cơ sở chủ trì đào tạo:

a) Bảo đảm đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy chương trình liên kết chiếm tối thiểu 50% khối lượng học tập, không bao gồm khối lượng chương trình Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh;

b) Đã ban hành quy định về liên kết đào tạo và thẩm định các yêu cầu bảo đảm chất lượng của cơ sở phối hợp đào tạo, chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định.

4. Các yêu cầu tối thiểu đối với cơ sở phối hợp đào tạo:

a) Đáp ứng các yêu cầu về môi trường sư phạm, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện và cán bộ quản lý theo yêu cầu của chương trình đào tạo;

b) Đã có báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định hiện hành.

5. Trách nhiệm của Trường và cơ sở phối hợp đào tạo:

a) Trường chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo, cùng cơ sở phối hợp đào tạo thực hiện nội dung đã thỏa thuận phù hợp với Quy chế này và quy định pháp luật có liên quan; thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo ngay sau khi tuyển sinh;

b) Trường hợp cơ sở phối hợp đào tạo không đáp ứng được yêu cầu bảo đảm chất lượng của học phần hoặc chương trình đào tạo, Trường phải chuyển người học về trụ sở chính để tiếp tục đào tạo theo quy định, bảo đảm quyền lợi cho người học;

c) Trường và cơ sở phối hợp đào tạo bảo đảm không để gián đoạn việc học tập của người học; bồi hoàn chi phí phát sinh nếu dừng tổ chức đào tạo; trường hợp tạm dừng, chấm dứt đào tạo phải công bố và thực hiện phương án bảo đảm quyền lợi cho người học (kế hoạch học tiếp, chuyển chương trình, tín chỉ, học phí, tốt nghiệp...);

d) Trường và cơ sở phối hợp đào tạo chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện hợp đồng liên kết đào tạo, các quy chế tuyển sinh, đào tạo và bảo đảm quyền lợi chính đáng của giảng viên, người học trong suốt quá trình tổ chức đào tạo.

Điều 7. Liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục đại học nước ngoài

Việc liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục đại học nước ngoài phải tuân thủ pháp luật Việt Nam và đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Cơ sở giáo dục đại học nước ngoài phải là cơ sở đào tạo hoạt động hợp pháp, có tư cách pháp nhân tại nước sở tại và được phép đào tạo, cấp bằng từ trình độ đại học trở lên.

2. Cơ sở giáo dục đại học nước ngoài phải được cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng có thẩm quyền ở nước sở tại công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng (hoặc được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận).

3. Chương trình liên kết đào tạo phải là chương trình đã được triển khai đào tạo trực tiếp tại trụ sở chính của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài.

4. Yêu cầu đầu vào và đầu ra của chương trình liên kết đào tạo không được thấp hơn yêu cầu đầu vào và chuẩn của chương trình đào tạo tương ứng tại Việt Nam.

5. Văn bằng do trường nước ngoài cấp cho sinh viên học tại Việt Nam phải tương đương hoàn toàn (về hình thức, giá trị pháp lý, cơ hội học lên cao) với văn bằng cấp tại trụ sở chính, không được có sự phân biệt đối xử về địa điểm học.

6. Giảng viên của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài trực tiếp tham gia giảng dạy ít nhất 25% tổng khối lượng của chương trình liên kết đào tạo và có trình độ từ thạc sĩ trở lên; có học hàm, học vị phù hợp quy định và năng lực ngoại ngữ đáp ứng điều kiện truyền tải chương trình.

7. Số lượng tuyển sinh của chương trình liên kết đào tạo được tính vào tổng số lượng tuyển sinh của mỗi cơ sở đào tạo theo tỷ lệ giảng viên tham gia của mỗi bên theo năm tuyển sinh.

8. Các cơ sở giáo dục đại học tham gia liên kết đào tạo chịu trách nhiệm trước pháp luật và theo thỏa thuận liên kết về việc tổ chức tuyển sinh, đào tạo, đánh giá kết quả học tập, cấp văn bằng, quản lý người học và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người học, giảng viên trong suốt quá trình tổ chức đào tạo.

Chương II **KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

Điều 8. Tổ chức lớp học

1. Sau khi nhập học, người học được tổ chức thành lớp sinh hoạt và lớp học phần.

a) Lớp sinh hoạt: được tổ chức theo khóa tuyển sinh của ngành đào tạo, duy trì trong cả khóa học, có hệ thống cán bộ lớp và hệ thống cán bộ Đoàn, Hội sinh viên (đối với hình thức đào tạo chính quy);

b) Lớp học phần: được tổ chức theo từng học phần dựa vào kết quả đăng ký khối lượng học tập của người học ở từng học kỳ.

2. Số lượng người học tối thiểu của mỗi lớp học phần do Hiệu trưởng quy định theo từng học kỳ, phù hợp với điều kiện cụ thể của Trường. Nếu số lượng người học đăng ký ít hơn số lượng tối thiểu theo quy định, lớp học phần không được tổ chức và người học phải đăng ký chuyển sang học những lớp học phần khác để bảo đảm khối lượng học tập tối thiểu phải đăng ký trong học kỳ.

Điều 9. Kế hoạch giảng dạy và học tập

1. Một năm học có 02 hoặc 03 học kỳ chính với tổng số tuần tối thiểu học trên lớp là 30 tuần học tập, giảng dạy và hoạt động đào tạo theo kế hoạch. Ngoài các học kỳ chính, Hiệu trưởng xem xét, quyết định tổ chức thêm học kỳ phụ để người học có điều kiện học lại, học bù hoặc học vượt.

2. Kế hoạch năm học thể hiện những mốc thời gian chính của các hoạt động đào tạo trong năm học cho tất cả hình thức, chương trình đào tạo, được công bố kịp thời tới các bên liên quan trước khi bắt đầu năm học.

3. Kế hoạch học kỳ bao gồm kế hoạch mở lớp, hình thức dạy và học (trực tiếp hoặc từ xa), lịch học, lịch thi của các học phần được tổ chức trong học kỳ cho các khóa học, chương trình đào tạo và hình thức đào tạo. Kế hoạch học kỳ phải được xây dựng và công bố tối thiểu trước 04 tuần bắt đầu ngày học chính thức.

4. Thời khóa biểu thể hiện thời gian, địa điểm, hoạt động dạy và học của từng lớp thuộc các khóa học, hình thức và chương trình đào tạo, được bố trí đều trong các buổi trong tuần của học kỳ.

5. Căn cứ khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu, dự kiến kế hoạch giảng dạy (phân bổ các học phần theo các học kỳ) của các chương trình đào tạo, Trường phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên phân công thời khóa biểu các học phần cho từng năm học, từng học kỳ và công bố trước thời gian bắt đầu học phần ít nhất 01 tuần.

Điều 10. Tổ chức đăng ký học tập

1. Đầu mỗi năm học, Trường thông báo dự kiến lịch trình học cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần dự kiến tổ chức giảng dạy, danh sách giảng viên giảng dạy tại các lớp.

2. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, khoa/viện đào tạo hướng dẫn người học đăng ký học các học phần dự định học trong học kỳ, gồm: những học phần mới, một số học phần chưa đạt (để học lại) và một số học phần đã đạt (để cải thiện điểm, nếu có) tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân. Công khai đề cương chi tiết học phần, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

3. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.



4. Thời gian đăng ký các học phần được quy định như sau:

- a) Đăng ký bình thường được thực hiện trước thời điểm bắt đầu mỗi học kỳ 02 tuần;
- b) Đăng ký muộn được thực hiện trong 02 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong tuần đầu của học kỳ phụ, cho những người học muốn đăng ký học thêm hoặc đăng ký đổi sang học phần khác khi không có lớp;
- c) Các trường hợp đặc biệt khác thực hiện theo thông báo của Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên.

5. Khối lượng học tập người học phải đăng ký trong mỗi học kỳ nằm trong khung như sau:

- a) Học kỳ chính: tối thiểu 14 tín chỉ và tối đa 24 tín chỉ; người học có học lực của học kỳ liền trước từ loại Khá trở lên được đăng ký vượt khối lượng tối đa theo quy định của Trường;
- b) Học kỳ phụ: tối đa 24 tín chỉ; không quy định khối lượng học tập tối thiểu;
- c) Khối lượng học tập tối thiểu từng học kỳ không áp dụng đối với học kỳ cuối khóa và các trường hợp sau: không có lớp học phần mà người học cần đăng ký học (do lớp học phần không đủ số người học đăng ký tối thiểu hoặc do Trường không mở lớp học phần đó trong học kỳ); tổng số tín chỉ chưa tích lũy của người học ít hơn khối lượng học tập tối thiểu.

6. Học sinh trung học phổ thông thuộc đối tượng được miễn thi tốt nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã hoàn thành và đạt kết quả học tập xếp loại tốt năm học lớp 10, lớp 11, được phép đăng ký học tích lũy tín chỉ giáo dục đại học tại Trường. Kết quả học tập đã tích lũy được xem xét công nhận vào chương trình đào tạo trình độ đại học sau khi người học đáp ứng điều kiện trúng tuyển hoặc được công nhận là người học của Trường, đồng thời kết quả học tập còn phù hợp với chuẩn đầu ra và thời hạn giá trị theo quy định tại Điều 21 của Quy chế này.

Điều 11. Đăng ký bổ sung hoặc rút bớt học phần đã đăng ký

1. Người học xin đăng ký bổ sung hoặc rút bớt các học phần đã đăng ký ở đầu mỗi học kỳ thực hiện qua phần mềm quản lý đào tạo. Trường hợp cần phải giải quyết ngoài hệ thống, người học tự viết đơn gửi Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên; đơn phải được giáo vụ khoa, Trưởng khoa ký chấp thuận và không vi phạm khoản 5 Điều 10 của Quy chế này.

2. Chỉ sau khi giảng viên phụ trách học phần nhận được thông báo của Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên hoặc danh sách sinh viên đã được xử lý đồng bộ trên hệ thống, người học mới được phép đến tham dự đối với các học phần xin bổ sung hoặc nghỉ học đối với các học phần xin rút bớt.

3. Việc rút bớt học phần đã đăng ký chỉ được thực hiện trong 02 tuần đầu kể từ khi bắt đầu học kỳ chính, trong 01 tuần đầu kể từ khi bắt đầu học kỳ phụ. Ngoài thời hạn quy định, nếu người học không đi học được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F đối với học phần đó.

Điều 12. Đăng ký học lại, học cải thiện điểm

1. Người học có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm A, B, C hoặc D; hoặc đăng ký học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo; hoặc đăng ký học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy.

2. Người học có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc đăng ký học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

3. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, người học được quyền đăng ký học lại hoặc đổi sang học phần khác (đối với các học phần tự chọn) để cải thiện điểm trung bình tích lũy. Điểm chính thức của học phần là điểm cao nhất trong các lần học.

Điều 13. Tổ chức giảng dạy và học tập

1. Yêu cầu về tổ chức giảng dạy và học tập:

a) Phát huy năng lực chuyên môn và trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên, phù hợp với quy định về chế độ làm việc của giảng viên;

b) Phát huy vai trò chủ động, đề cao trách nhiệm của người học, tạo điều kiện và động lực để người học nỗ lực học tập; giữ vững kỷ cương học đường, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo;

c) Có cơ chế kiểm tra, giám sát nội bộ và hệ thống cải tiến chất lượng dựa trên thu thập, đánh giá ý kiến phản hồi của người học.

2. Phương thức tổ chức đào tạo:

a) Trường tổ chức các lớp học theo phương thức trực tiếp, từ xa hoặc kết hợp khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin, hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất, điều kiện bảo đảm chất lượng; có giải pháp bảo đảm chất lượng và minh chứng về chất lượng tổ chức lớp học theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa tương đương lớp học theo phương thức trực tiếp.

b) Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, Trường thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 14. Tổ chức đào tạo theo phương thức từ xa

1. Đào tạo theo phương thức từ xa là hoạt động giảng dạy được tổ chức thực hiện thông qua hệ thống quản lý học tập (LMS) và hạ tầng công nghệ thông tin cho

phép quản lý, tổ chức dạy học qua môi trường Internet, bao gồm: phần mềm tổ chức dạy học trực tuyến, hệ thống quản lý học tập trực tuyến, hệ thống quản lý nội dung học tập trực tuyến.

2. Trường bảo đảm hệ thống tổ chức đào tạo từ xa gồm: quy định quản lý, bộ phận quản lý, đội ngũ giảng viên và nhân sự hỗ trợ, hệ thống quản lý học tập (LMS), hệ thống kiểm tra, đánh giá, hạ tầng kỹ thuật và thư viện số đáp ứng yêu cầu tổ chức đào tạo; có cơ chế xác thực danh tính người học, cơ chế theo dõi tiến độ học tập, lưu trữ dữ liệu giảng dạy - học tập - đánh giá, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo đảm an toàn thông tin, liên chính học thuật và hỗ trợ kỹ thuật, học thuật cho người học.

3. Hoạt động dạy học theo phương thức từ xa được thực hiện theo thời khóa biểu học kỳ với nội dung dạy học theo đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt. Giáo trình, học liệu, bài giảng điện tử, dữ liệu về hoạt động giảng dạy, học tập và kết quả đánh giá của người học được quản lý, lưu trữ trên hệ thống LMS theo quy định của pháp luật.

4. Việc kiểm tra, đánh giá trong dạy học theo phương thức từ xa thực hiện theo quy định tại đề cương chi tiết của mỗi học phần và theo quy định tại Điều 16 của Quy chế này; điểm đánh giá bằng hình thức từ xa chiếm không quá 50% điểm học phần, trừ trường hợp đặc biệt thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 15. Quản lý chất lượng đào tạo và dữ liệu đào tạo

1. Trường thiết lập và vận hành hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong đối với hoạt động đào tạo trình độ đại học; định kỳ rà soát chương trình đào tạo, phương thức tổ chức đào tạo, hoạt động đánh giá, điều kiện bảo đảm chất lượng và kết quả đầu ra của người học.

2. Trường quản lý đầy đủ, chính xác, an toàn dữ liệu về tuyển sinh, đăng ký học tập, quá trình học tập, đánh giá, công nhận tín chỉ, cảnh báo học tập, kỷ luật, tốt nghiệp, cấp văn bằng, chứng chỉ và tình trạng việc làm sau tốt nghiệp; cập nhật dữ liệu lên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Trường thường xuyên theo dõi, đánh giá, sử dụng kết quả phản hồi của người học, giảng viên, người sử dụng lao động và các bên liên quan để cải tiến chương trình đào tạo, phương thức tổ chức đào tạo và điều kiện bảo đảm chất lượng; thực hiện việc giải trình, khắc phục khi Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc cơ quan có thẩm quyền phát hiện vi phạm hoặc nguy cơ không bảo đảm chất lượng.

Chương III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

Điều 16. Đánh giá học phần và tính điểm học phần

1. Đối với mỗi học phần, người học được đánh giá tối thiểu ba điểm thành phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần có trọng số tối thiểu 50%. Đối với đồ án tốt nghiệp hoặc khóa luận tốt nghiệp, có thể chỉ có một điểm đánh giá. Các điểm thành phần bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần; điểm thi giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần.

2. Đối với các học phần thực hành, người học phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ (làm tròn đến một chữ số thập phân) là điểm của học phần thực hành.

3. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá thành phần; riêng đề thi kết thúc học phần thực hiện theo quy định của Trường.

4. Việc đánh giá kết quả học theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa được áp dụng khi bảo đảm trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần;

Riêng việc tổ chức bảo vệ và đánh giá đồ án, khóa luận được thực hiện từ xa khi đáp ứng thêm các điều kiện:

a) Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 3 thành viên;

b) Hình thức bảo vệ và đánh giá từ xa được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và người học;

c) Diễn biến của buổi bảo vệ từ xa được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ.

5. Người học vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0 (không); người học vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

6. Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, làm tròn đến một chữ số thập phân và được quy đổi, xếp loại điểm chữ như sau, trừ các trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này:

TT	Thang điểm 10	Điểm chữ	Xếp loại
1	Từ 8,5 đến 10,0	A	Đạt (tính vào điểm trung bình)
2	Từ 7,0 đến 8,4	B	Đạt (tính vào điểm trung bình)
3	Từ 5,5 đến 6,9	C	Đạt (tính vào điểm trung bình)
4	Từ 4,0 đến 5,4	D	Đạt (tính vào điểm trung bình)
5	Từ 5,0 trở lên	P	Đạt (không tính vào điểm trung bình, áp dụng cho học phần chỉ yêu cầu đạt)
6	Dưới 4,0	F	Không đạt (tính vào điểm trung bình)

7. Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không tính vào điểm trung bình học tập:

I - điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X - điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R - điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

a) Điểm I áp dụng cho trường hợp trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, người học bị ốm hoặc có lý do chính đáng không thể dự kiểm tra hoặc thi nhưng được Trường khoa cho phép và Trường phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên chấp thuận, hoặc người học không thể dự kiểm tra thành phần, thi giữa kỳ, thi kết thúc học phần vì lý do chính đáng và được chấp thuận tương tự.

Trước khi bắt đầu học kỳ kế tiếp, người học nhận điểm I phải hoàn thành các nội dung kiểm tra thành phần còn nợ để được chuyển điểm; nếu chưa trả nợ nhưng không thuộc diện bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp;

b) Điểm X áp dụng đối với những học phần mà Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của người học từ khoa chuyển đến;

c) Ký hiệu R áp dụng cho các trường hợp: điểm học phần đạt A, B, C hoặc D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với học phần được phép thi sớm để giúp người học học vượt; hoặc học phần được công nhận kết quả khi người học chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

8. Việc xếp loại ở mức điểm F, ngoài các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp người học vi phạm quy chế thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

Điều 17. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Cuối mỗi học kỳ, Trường tổ chức một kỳ thi chính và nếu có điều kiện, tổ chức thêm một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính.

2. Người học bị điểm F ở kỳ thi chính, trong trường hợp đã đủ điểm đánh giá thành phần, được dự thi một lần duy nhất ở kỳ thi phụ ngay sau đó hoặc học kỳ phụ (nếu có).

3. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, tối thiểu 2/3 ngày cho một tín chỉ.

Điều 18. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình đào tạo. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi thực hiện theo quy định của Trường.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên, được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần.

3. Quy trình ra đề, thẩm định đề thi, in sao, quản lý và sử dụng đề thi; tổ chức thi giữa kỳ, thi kết thúc học phần; chấm thi, phúc khảo bài thi; lưu trữ bài thi, hồ sơ, bảng điểm thực hiện theo quy định của Trường.

4. Người học vắng mặt trong kỳ thi giữa kỳ, thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng, coi như đã dự thi một lần, phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính và được thi lại một lần ở kỳ thi phụ hoặc học kỳ phụ (nếu có).

5. Người học vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó (nếu có); trường hợp không có kỳ thi phụ, người học được dự thi tại kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ sau và điểm thi được coi là điểm thi lần đầu.

Điều 19. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học

1. Để tính điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học và điểm trung bình tích lũy, điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi sang thang điểm 4 như sau:

- Điểm A quy đổi thành 4;
- Điểm B quy đổi thành 3;
- Điểm C quy đổi thành 2;
- Điểm D quy đổi thành 1;
- Điểm F quy đổi thành 0.

2. Điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học và điểm trung bình tích lũy được tính theo điểm chính thức (đã quy đổi) của học phần, với trọng số là số tín

chỉ của học phần đó, làm tròn đến 2 chữ số thập phân. Những điểm chữ không quy định tại khoản 1 Điều này (I, X, R) không được tính vào các điểm trung bình nêu trên. Những học phần không nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo không được tính vào các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của người học.

3. Người học được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy, làm tròn đến hàng phần trăm, theo thang điểm 4 như sau:

- Từ 3,60 đến 4,0 - Xuất sắc;
- Từ 3,20 đến 3,59 - Giỏi;
- Từ 2,50 đến 3,19 - Khá;
- Từ 2,00 đến 2,49 - Trung bình;
- Từ 1,00 đến 1,99 - Yếu;
- Dưới 1,00 - Kém.

4. Sau mỗi học kỳ, người học được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể:

- Trình độ năm thứ nhất khi $N < M$;
- Trình độ năm thứ hai khi $M \leq N < 2M$;
- Trình độ năm thứ ba khi $2M \leq N < 3M$;
- Trình độ năm thứ tư khi $3M \leq N < 4M$;
- Trình độ năm thứ năm khi $4M \leq N < 5M$.

5. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp loại học lực của người học.

Điều 20. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học

1. Cuối mỗi học kỳ chính, người học được cảnh báo học tập khi rơi vào một trong các trường hợp sau:

- a) Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng ký học trong học kỳ, hoặc tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24 tín chỉ;
- b) Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;
- c) Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,20 đối với người học trình độ năm thứ nhất; dưới 1,40 đối với trình độ năm thứ hai; dưới 1,60 đối với trình độ năm thứ ba; dưới 1,80 đối với người học các năm tiếp theo.

2. Người học bị cảnh báo học tập không quá 02 lần cảnh báo liên tiếp. Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên, các khoa/ viện đào tạo có trách nhiệm thực hiện cảnh

báo sớm, tư vấn học tập, thông báo kịp thời tới người học và tạo điều kiện để người học đăng ký học lại, học cải thiện hoặc điều chỉnh kế hoạch học tập.

3. Người học bị buộc thôi học khi thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá giới hạn quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Thời gian học tập vượt quá thời gian đào tạo tối đa quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy chế này.

4. Chậm nhất 01 tháng sau khi người học có quyết định buộc thôi học, Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên thông báo và cấp bằng điểm kết quả học tập đã tích lũy cho người học.

5. Trường hợp tại Trường hoặc tại cơ sở đào tạo khác có chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng, người học thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại khoản 3 Điều này được quyền xin xét chuyển qua các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ; Hiệu trưởng xem xét, quyết định đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 21. Chứng chỉ giáo dục đại học, công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Trường xác nhận, cấp chứng chỉ giáo dục đại học cho người học hoàn thành học phần hoặc một phần của chương trình đào tạo. Kết quả tích lũy được sử dụng làm căn cứ công nhận, chuyển đổi kết quả học tập trong cùng Trường hoặc khi chuyển chương trình đào tạo, chuyên ngành, chuyển cơ sở đào tạo, chuyển hình thức học theo quy định của Trường.

2. Chứng chỉ giáo dục đại học có thời hạn giá trị tối đa không vượt quá 2,0 lần thời gian đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo, kể từ được công nhận chứng chỉ.

3. Kết quả học tập của người học đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác được Trường xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học, dựa trên khối lượng học tập, nội dung chuyên môn, chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

4. Hội đồng chuyên môn của Trường xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình, theo các cấp độ:

a) Công nhận, chuyển đổi theo từng học phần;

b) Công nhận, chuyển đổi theo từng nhóm học phần;

c) Công nhận, chuyển đổi theo cả chương trình đào tạo.

Việc công nhận và chuyển đổi tín chỉ phải bảo đảm công bằng, minh bạch, không làm giảm yêu cầu chất lượng hoặc thay đổi chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

5. Người học được Trường xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ của các học phần trên cơ sở kết quả học tập theo phương thức tổ chức đào tạo từ xa hoặc các kỹ năng, kiến thức, kinh nghiệm đã tích lũy được thông qua quá trình học tập, làm việc, khi bảo đảm phù hợp với mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung và yêu cầu của chương trình đào tạo.

6. Khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo.

7. Trường công khai trên Cổng thông tin điện tử thời hạn giá trị của chứng chỉ giáo dục đại học, kết quả học tập được công nhận, tỷ lệ tín chỉ tối đa được công nhận, các trường hợp phải đánh giá bổ sung, thẩm quyền quyết định và cơ chế giải quyết khiếu nại của người học. Đối với ngành đào tạo giáo viên, việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ thực hiện theo hướng dẫn riêng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 22. Thực tập cuối khóa, đồ án, khóa luận tốt nghiệp

1. Người học đăng ký thực tập, viết chuyên đề thực tập tốt nghiệp hoặc làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp phù hợp với chương trình đào tạo theo quy định của Trường.

2. Tùy đặc thù của từng ngành, chuyên ngành, người học có thể đăng ký học các học phần thay thế đồ án, khóa luận tốt nghiệp theo quy định tại chương trình đào tạo của ngành, chuyên ngành đó.

Điều 23. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp

1. Người học được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ, hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo và đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;

b) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh và hoàn thành chương trình Giáo dục thể chất theo quy định;

c) Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin theo quy định;

d) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập và không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Hằng năm, Trường có kế hoạch tổ chức các đợt xét tốt nghiệp cho người học đủ điều kiện; số đợt xét tốt nghiệp trong năm do Hiệu trưởng quyết định.

3. Hội đồng xét tốt nghiệp của Trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được ủy quyền làm Chủ tịch, Trưởng phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên làm Thư ký và các thành viên là Trưởng khoa/viện đào tạo, Trưởng phòng Thanh tra - Đảm bảo chất lượng giáo dục.

4. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, người học đủ điều kiện tốt nghiệp được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm người học đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành các nghĩa vụ khác với Trường.

5. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình tích lũy toàn khóa quy định tại khoản 3 Điều 19 của Quy chế này.

Hạng tốt nghiệp của người học có điểm trung bình tích lũy loại Xuất sắc và Giỏi bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp:

a) Khối lượng của các học phần phải học lại (kể cả học cải thiện) vượt quá 10% khối lượng học tập chuẩn của chương trình đào tạo;

b) Người học đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học; người học vi phạm các quy định về liêm chính học thuật, liêm chính khoa học.

5. Mỗi người học khi tốt nghiệp được cấp bằng tốt nghiệp kèm theo phụ lục văn bằng, trong đó ghi kết quả học tập theo từng học phần theo thang điểm 10, thang điểm chữ và điểm số quy đổi; ghi rõ ngành, chuyên ngành hoặc ngành phụ (nếu có).

6. Người học đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành học phần Giáo dục quốc phòng - an ninh, Giáo dục thể chất hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin, trong thời hạn 03 năm kể từ khi thôi học được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

7. Người học không tốt nghiệp được cấp chứng chỉ giáo dục đại học hoặc bảng điểm các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo, được xác nhận đã tham gia học tập các học phần của Trường.

Người học có nguyện vọng được làm đơn xin chuyển qua chương trình đào tạo khác theo quy định tại khoản 1 Điều 25 của Quy chế này, hoặc chuyển sang hình thức đào tạo thường xuyên tương ứng (nếu có) của Trường nếu còn trong thời gian học tập theo quy định.

Chương IV

CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUÁ TRÌNH HỌC TẬP, XỬ LÝ VI PHẠM CỦA NGƯỜI HỌC

Điều 24. Nghỉ học tạm thời, thôi học

1. Người học được xem xét nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học, không tính vào thời gian đào tạo tối đa của chương trình đào tạo, trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;

b) Được điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế hoặc thực hiện nhiệm vụ quốc gia, quốc tế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

2

c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế.

2. Người học xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học vì lý do cá nhân khác (không thuộc khoản 1 Điều này) nếu đã học tối thiểu 01 học kỳ tại Trường và không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật; thời gian nghỉ học trong trường hợp này được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy chế này.

3. Người học nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất hai tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

4. Người học bị buộc thôi học hoặc xin thôi học, nếu có nguyện vọng quay trở lại học, phải tham gia dự tuyển đầu vào như những thí sinh khác. Việc bảo lưu và công nhận kết quả học tập đã tích lũy đối với người học xin thôi học thực hiện theo quy định tại Điều 21 của Quy chế này.

Điều 25. Chuyển ngành, chuyển nơi học, chuyển cơ sở đào tạo, chuyển hình thức đào tạo

1. Người học được xem xét chuyển sang học một chương trình, một ngành đào tạo khác của Trường khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Đã đạt trình độ năm thứ nhất và không là người học năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy chế này;

b) Đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo chuyển đến trong cùng khóa tuyển sinh;

c) Trường có đủ điều kiện bảo đảm chất lượng và số lượng người học không vượt năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Được sự đồng ý của Trường khoa/viện phụ trách chương trình, ngành đào tạo (nơi chuyển đi và chuyển đến) và của Hiệu trưởng.

2. Người học được xem xét chuyển cơ sở đào tạo khi có đủ các điều kiện sau:

a) Đã đạt trình độ năm thứ nhất và không là người học năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quy chế này;

b) Đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh tại nơi chuyển đến;

c) Nơi chuyển đến có đủ điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt năng lực đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng cơ sở đào tạo nơi chuyển đi và nơi chuyển đến.

3. Người học được xem xét chuyển từ hình thức đào tạo chính quy sang hình thức đào tạo thường xuyên của Trường nếu còn đủ thời gian học tập theo quy định đối với hình thức chuyển đến.

4. Thủ tục chuyển trường:

a) Người học xin chuyển đến trường khác làm đơn gửi Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên xem xét để tham mưu Hiệu trưởng quyết định.

b) Người học xin chuyển về Trường nộp hồ sơ tại Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên, gồm:

- Đơn xin chuyển trường có xác nhận đồng ý của Hiệu trưởng/Giám đốc cơ sở đào tạo nơi chuyển đi;

- Bảng điểm kết quả học tập tại cơ sở đào tạo nơi chuyển đi;

- Kết quả các môn thi tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc học bạ trung học phổ thông (tùy theo hình thức tuyển sinh của ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh của Trường).

- Trường phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên xem xét, tham mưu Hiệu trưởng quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận, quyết định việc học tập tiếp theo, công nhận các học phần được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung theo quy định của Trường.

5. Việc chuyển người học trong trường hợp cơ sở đào tạo, phân hiệu nơi người học đang theo học bị đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi quyết định cấp phép hoạt động thực hiện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 26. Trao đổi người học và hợp tác đào tạo

1. Căn cứ quy định về việc công nhận lẫn nhau về quy trình đào tạo, nội dung đào tạo và giá trị của tín chỉ, Trường ban hành quy định cho phép người học của Trường được học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác, kể cả cơ sở đào tạo nước ngoài và ngược lại (sau đây gọi là trao đổi người học).

2. Trên cơ sở đánh giá và công nhận kết quả học tập, được sự đồng ý của Hiệu trưởng hai bên, người học có thể đăng ký học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác, bảo đảm tổng số tín chỉ tích lũy tại các cơ sở đào tạo khác theo tất cả các hình thức đào tạo luôn thấp hơn 50% khối lượng học tập chuẩn của chương trình đào tạo (không bao gồm khối lượng học phần Giáo dục quốc phòng - an ninh và Giáo dục thể chất), trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 25 của Quy chế này.

3. Trong hợp tác đào tạo, Trường thỏa thuận với cơ sở đào tạo phối hợp khai thác để sử dụng cơ sở thực hành, phòng thí nghiệm, học liệu, hạ tầng kỹ thuật và các điều kiện phục vụ đào tạo khác theo yêu cầu của chuẩn chương trình đào tạo và bảo

đảm chất lượng đào tạo; cơ sở phối hợp không tham gia tổ chức giảng dạy đề cập văn bằng, chứng chỉ giáo dục đại học.

4. Trường tạo điều kiện để người học tham gia các chương trình trao đổi học tập, tích lũy tín chỉ tại các cơ sở giáo dục đại học nước ngoài và được công nhận, chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy phù hợp với các học phần tương đương trong chương trình đào tạo đang theo học.

5. Điều kiện trao đổi người học, hợp tác đào tạo, việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ thực hiện theo quy định của Trường và được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Trường.

Điều 27. Học cùng lúc hai chương trình

1. Người học có thể đăng ký học thêm các học phần của một chương trình khác, ngành khác khi điều kiện của Trường cho phép, nhưng chỉ được hưởng các quyền lợi chính thức và được xem xét công nhận tốt nghiệp chương trình thứ hai khi đã đăng ký thành công học chương trình thứ hai theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Người học được đăng ký học chương trình thứ hai sớm nhất khi đã được xếp trình độ năm thứ hai của chương trình thứ nhất. Tại thời điểm đăng ký, người học phải đáp ứng một trong hai điều kiện sau và các điều kiện khác của Trường:

- Đã tích lũy tối thiểu 25% khối lượng học tập chuẩn của chương trình đào tạo, đạt điểm trung bình tích lũy xếp loại Khá trở lên và đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh;

- Hoặc đã tích lũy tối thiểu 25% khối lượng học tập chuẩn, đạt điểm trung bình tích lũy xếp loại Trung bình và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh.

3. Trong quá trình học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình tích lũy của chương trình thứ nhất đạt dưới điểm trung bình hoặc thuộc diện cảnh báo kết quả học tập, người học phải dừng học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo và bị loại khỏi danh sách đã đăng ký học chương trình thứ hai.

4. Thời gian tối đa được phép học đối với người học học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất tại khoản 3 Điều 3 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, người học được công nhận kết quả của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

5. Người học chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai khi đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất và đã đăng ký muộn nhất 02 năm trước thời điểm xét tốt nghiệp chương trình thứ hai. 

Điều 28. Học chương trình tích hợp trình độ đại học và trình độ thạc sĩ

1. Đối với các ngành đào tạo có tổ chức chương trình tích hợp trình độ đại học và trình độ thạc sĩ, Trường quy định khối lượng học tập tối đa của học phần trình độ thạc sĩ được người học tích lũy trong giai đoạn cuối của chương trình đào tạo tích hợp; quy định trường hợp người học không tiếp tục hoặc không đủ điều kiện học chương trình thạc sĩ.

2. Người học thuộc chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy được phép đăng ký học chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ cùng nhóm ngành đào tạo khi đạt ít nhất 3/4 khối lượng học tập chuẩn của chương trình đào tạo trình độ đại học ban đầu và có điểm trung bình tích lũy đạt loại Khá trở lên.

3. Người học tham gia chương trình tích hợp được tư vấn học thuật, được thông tin đầy đủ về học phí, tiến độ học tập, điều kiện duy trì, điều kiện chuyển ra khỏi chương trình và các quyền lợi liên quan; được cấp bằng cùng lúc trình độ đại học và trình độ thạc sĩ khi đáp ứng chuẩn đầu ra và yêu cầu cần đạt của từng giai đoạn và toàn bộ quá trình đào tạo.

4. Trường quy định chi tiết quy trình người học đăng ký học vượt chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và các yêu cầu tiên quyết để được học vượt các học phần đối với các chương trình đào tạo chuyên sâu.

Điều 29. Học liên thông đối với người có văn bằng khác

1. Người đã tốt nghiệp các trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp được dự tuyển và học liên thông lên trình độ đại học theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường.

2. Người đã tốt nghiệp đại học được dự tuyển và học liên thông để nhận thêm một bằng tốt nghiệp đại học của Trường đối với các ngành đã tuyển sinh được tối thiểu 03 khóa theo ngành đào tạo và hình thức đào tạo mà người học lựa chọn, có trong Đề án tuyển sinh của Trường.

3. Người học liên thông thực hiện chương trình đào tạo và đăng ký học tập theo kế hoạch chung như các người học khác cùng hình thức đào tạo. Trên cơ sở công nhận và chuyển đổi chứng chỉ giáo dục đại học, tín chỉ, người học được miễn trừ các học phần tương ứng với khối lượng học tập đã tích lũy theo quy định tại Điều 21 của Quy chế này.

Điều 30. Xử lý vi phạm đối với người học

Căn cứ tính chất, mức độ hành vi vi phạm của người học và các quy định hiện hành, Trường quy định chi tiết quy trình thực hiện, hình thức kỷ luật đối với các nhóm hành vi vi phạm sau và các hành vi khác (nếu có):

1. Nhóm hành vi gian lận trong quá trình thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, vi phạm liên chính học thuật, liên chính khoa học; người học vi phạm bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm.

2. Nhóm hành vi gian lận ở mức độ nghiêm trọng (có tổ chức hoặc sử dụng công nghệ): làm giả hồ sơ học tập; nhờ người khác thi hộ hoặc đi thi hộ cho người khác; sử dụng trái phép trí tuệ nhân tạo (AI), công cụ số, phương tiện công nghệ để gian lận thi, kiểm tra hoặc trong quá trình làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp; mua hoặc bán bài tập, đồ án, khóa luận tốt nghiệp; can thiệp trái phép vào hệ thống quản lý học tập (LMS) hoặc hệ thống điểm.

3. Nhóm hành vi sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả (ngoại ngữ, tin học, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông...) làm điều kiện trúng tuyển (đầu vào) hoặc làm điều kiện xét tốt nghiệp (đầu ra): người học bị buộc thôi học; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp bị thu hồi, hủy bỏ. Đối với nhóm hành vi này, Trường thực hiện đối soát dữ liệu văn bằng, chứng chỉ đầu vào của người học với Cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học ngay khi nhập học.

Chương V **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 31. Trách nhiệm xây dựng và thực hiện quy chế

1. Quy chế này là căn cứ để Hiệu trưởng ban hành các quy định cụ thể về tổ chức, quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường; các nội dung cụ thể hóa có thể yêu cầu cao hơn nhưng không được trái với các quy định của Quy chế này và Thông tư số 56/2026/TT-BGDĐT.

2. Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên là đơn vị đầu mối tham mưu, giúp Hiệu trưởng tổ chức thực hiện Quy chế này; phối hợp với các khoa/viện đào tạo và các đơn vị liên quan trong việc triển khai, kiểm tra, giám sát thực hiện.

Điều 32. Chế độ báo cáo, lưu trữ, công khai thông tin

1. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, Trường báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về số liệu người học tuyển mới, tốt nghiệp, thôi học và đang học trong năm, dự kiến tốt nghiệp trong năm sau, tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm trong thời gian 12 tháng sau tốt nghiệp; phân loại theo đối tượng đầu vào, ngành đào tạo, khóa đào tạo và hình thức đào tạo; đồng thời lưu trữ, cập nhật đầy đủ dữ liệu về hoạt động giáo dục đại học trên Cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học và thông báo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo về tình hình tuyển sinh, đào tạo tại địa phương.

2. Trường có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản an toàn các tài liệu liên quan đến công tác đào tạo theo quy định do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và quy định về lưu trữ hiện hành.

3. Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên có trách nhiệm công khai trên Cổng thông tin điện tử của Trường: Quy chế của Trường và các quy định liên quan; quyết định mở ngành, quyết định phê duyệt tổ chức thực hiện chương trình đào tạo đối với chương trình sẽ tổ chức đào tạo; các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các minh chứng về việc chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thông báo tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh hiện hành; các minh chứng về việc đáp ứng yêu cầu tối thiểu đối với liên kết đào tạo theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

4. Trường công khai trên Cổng thông tin điện tử các văn bản hướng dẫn người học thực hiện quyền được đối xử công bằng trong quá trình học tập (khiếu nại khi quyền lợi bị xâm phạm trong xét tốt nghiệp, đánh giá học phần hoặc xử lý kỷ luật).

Điều 33. Điều khoản chuyển tiếp

1. Quy chế này áp dụng đối với khóa tuyển sinh năm 2026 và bắt đầu tổ chức đào tạo từ năm học 2026 - 2027 trở đi.

2. Đối với các khóa đang đào tạo theo hình thức chính quy, vừa làm vừa học, đào tạo từ xa; hoạt động liên kết đào tạo đã ký kết, đã tuyển sinh; kết quả học tập, tín chỉ, học phần, chứng chỉ đã được công nhận, chuyển đổi hoặc miễn trừ thì tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 1413/QĐ-ĐHQB ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học, cao đẳng tại Trường Đại học Quảng Bình.

3. Chuẩn đầu ra ngoại ngữ của người học theo các chương trình đào tạo trình độ đại học thực hiện theo Quy chế này áp dụng chuẩn đầu ra ngoại ngữ trong các Chuẩn chương trình đào tạo đã ban hành; trường hợp chưa có chuẩn chương trình đào tạo theo ngành, nhóm ngành, lĩnh vực tương ứng thì tiếp tục áp dụng chuẩn đầu ra ngoại ngữ quy định tại các chương trình đào tạo đã ban hành trước thời điểm Quy chế này có hiệu lực và Quy định của Trường Đại học Quảng Bình, cho đến khi có Chuẩn chương trình đào tạo theo ngành, nhóm ngành, lĩnh vực tương ứng.

Điều 34. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 1413/QĐ-ĐHQB ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quảng Bình ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học, cao đẳng tại Trường Đại học Quảng Bình và các quy định khác của Trường có nội dung trái với Quy chế này.

2. Trưởng phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên, Trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, người học đại học hình thức chính quy, hình thức đào tạo thường xuyên và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung, các đơn vị, cá nhân phản ánh về Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

PHỤ LỤC**Khung giờ và phân bổ tiết học đối với hình thức đào tạo chính quy***(Ban hành kèm theo Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Quảng Bình)*

Buổi	Tiết	Thời gian	
		Mùa hè	Mùa đông
Sáng	Tiết 1	7h00 - 7h50	7h00 - 7h50
Sáng	Tiết 2	7h50 - 8h40	7h50 - 8h40
Sáng	Tiết 3	8h50 - 9h40	8h50 - 9h40
Sáng	Tiết 4	9h40 - 10h30	9h40 - 10h30
Sáng	Tiết 5	10h40 - 11h30	10h40 - 11h30
Chiều	Tiết 6	13h30 - 14h20	13h00 - 13h50
Chiều	Tiết 7	14h20 - 15h10	13h50 - 14h40
Chiều	Tiết 8	15h20 - 16h10	14h50 - 15h40
Chiều	Tiết 9	16h10 - 17h00	15h40 - 16h30
Chiều	Tiết 10	17h10 - 18h00	16h40 - 17h30
Tối	Tiết 11	18h10 - 19h00	18h00 - 18h50
Tối	Tiết 12	19h00 - 19h50	18h50 - 19h40

Ghi chú:

- Tùy theo số lượng người học, số lớp học phân cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất, Phòng Đào tạo và Quản lý sinh viên sắp xếp thời khóa biểu hằng ngày cho các lớp trong khung giờ nêu trên.

- Căn cứ điều kiện thời tiết, Nhà trường có thể điều chỉnh khung giờ phù hợp.

